TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẤN YÊN - TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST
Ngày 06 - 7 - 2023
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẤN YÊN,TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bồ Thị Hoa;

2. Ông Phạm Thanh Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thu Thủy – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái.

Ngày 06 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2023/TLST-HNGĐ ngày 21/4/2023 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/6/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2023/QĐST- HNGĐ ngày 20/6/2023, Thông báo mở lại phiên tòa số 18/TB-TA ngày 21/6/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Th, sinh năm 2001.

Địa chỉ: Thôn 6, xã Đào Thịnh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn M, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn 6, xã Đào Thịnh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/4/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đặng Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đào Thịnh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái vào ngày 10/8/2020 (Giấy đăng ký số: 15/2020 ngày 10/8/2020). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại thôn 6, xã Đào Thịnh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái. Chị Đặng Thị Th xác định vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh M chơi bời, rượu chè, không lo làm ăn. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án nhân dân huyện Trấn Yên giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn M.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đặng Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Trấn Yên đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và giao nhận, tống đạt các văn bản hợp lệ cho anh Phạm Văn M nhưng bị đơn anh Phạm Văn M không đến Tòa án và không có bản tự khai. Do đó, trong hồ sơ vụ án không có lời khai của anh Phạm Văn M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Nguyên đơn chị Đặng Thị Th có đơn xin ly hôn với anh Phạm Văn M, nơi cư trú: Thôn 6, xã Đào Thịnh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái.

[1.2] *Về sự vắng mặt của đương sự*: Bị đơn anh Phạm Văn M được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.3] *Về thủ tục hoà giải*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân huyện Trấn Yên đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, giao nhận, tống đạt các văn bản hợp lệ cho anh Phạm Văn M nhưng anh M không có mặt tại Toà án. Căn cứ vào Điều 207, Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được nên Toà án nhân dân huyện Trấn Yên đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hoà giải theo quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đặng Thị Th và anh Phạm Văn M có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Uỷ ban nhân dân xã Đào Thịnh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái vào ngày 10/8/2020 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Theo chị Đặng Thị Th thì vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh M chơi bời, rượu chè, không lo làm ăn. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án nhân dân huyện Trấn Yên giải quyết cho chị được ly hôn anh M. Anh Phạm Văn M đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần để hoà giải nhưng anh M đều vắng mặt không có lý do. Như vậy, anh Phạm Văn M đã tự từ bỏ quyền lợi và cơ hội hàn gắn cuộc sống vợ chồng. Dẫn đến hôn nhân giữa chị Đặng Thị Th và anh Phạm Văn M ngày càng trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Đặng Thị Th được ly hôn anh Phạm Văn M theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về con chung*: Chị Đặng Thị Th xác đinh không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] *Về tài sản và nợ chung*: Chị Đặng Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết, mặt khác do anh Phạm Văn M chưa có lời khai nên chưa có cơ sở xem xét. Vì vậy, Tòa án không xem xét giải quyết về tài sản và nợ chung.

[3] *Về án phí*: Chị Đặng Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Th được ly hôn anh Phạm Văn M.

2. Về án phí: Chị Đặng Thị Th phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tạm ứng tại Biên lai số AA/2022/0000375 ngày 20/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trấn Yên.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trấn Yên;
- Chi cục THADS huyện Trấn Yên;
- UBND xã Đào Thịnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

Nguyễn Tuấn Anh